

SỰ PHÙ HỢP GIỮA CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ PHÁP LUẬT THUẾ Ở VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

● NGUYỄN TRẦN THỦY TIÊN

Trường Đại học Thủ Dầu Một

Email: tienntt@tdmu.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.62831/202602052>

TÓM TẮT:

Bài viết tập trung phân tích thực trạng sự phù hợp giữa hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) và các quy định pháp luật thuế hiện hành, chỉ ra những khoảng cách đáng kể về nguyên tắc đo lường, ghi nhận doanh thu và chi phí. Khoảng cách này không chỉ gia tăng chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp mà còn làm giảm chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các giải pháp toàn diện nhằm nâng cao sự phù hợp giữa kế toán và pháp luật thuế ở Việt Nam trong kỷ nguyên phát triển mới.

Từ khóa: chuẩn mực kế toán, kỷ nguyên phát triển mới, pháp luật thuế, tài chính quốc gia.

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam đòi hỏi một hệ thống ngôn ngữ tài chính thống nhất và minh bạch. Tại Việt Nam, chuẩn mực kế toán và pháp luật thuế là 2 hệ thống quy định có tầm ảnh hưởng sâu rộng nhất đến hoạt động của doanh nghiệp. Tuy nhiên, do sự khác biệt căn bản về mục tiêu quản lý: kế toán hướng tới việc cung cấp thông tin trung thực, hợp lý cho các bên liên quan, trong khi thuế tập trung vào việc quản lý nguồn thu ngân sách nhà nước, dẫn đến thường nảy sinh những mâu thuẫn và khoảng cách nhất định. Những năm gần đây, việc Việt Nam triển khai lộ trình áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (International Financial Reporting Standards - IFRS) và sửa đổi một số luật thuế cốt lõi làm xuất

hiện nhiều thách thức chưa từng có đối với tính phù hợp giữa kế toán và thuế⁵. Do đó, nghiên cứu về sự phù hợp giữa chuẩn mực kế toán và pháp luật thuế ở Việt Nam hiện nay; từ đó có giải pháp điều chỉnh là cần thiết; góp phần nâng cao tính đồng bộ của hệ thống pháp luật tài chính quốc gia trong kỷ nguyên phát triển mới.

2. Khung lý thuyết về mối quan hệ giữa chuẩn mực kế toán và pháp luật thuế

Mối quan hệ giữa chuẩn mực kế toán và pháp luật thuế là mối quan hệ vừa thống nhất vừa khác biệt, có tính tương hỗ nhưng không đồng nhất, phản ánh sự giao thoa giữa yêu cầu ghi nhận, đo lường thông tin tài chính với mục tiêu quản lý và điều tiết của Nhà nước trong lĩnh vực thuế. Chuẩn mực kế toán được xây dựng nhằm thiết lập các nguyên tắc và phương pháp ghi nhận, trình bày thông tin tài

chính một cách trung thực, hợp lý, nhất quán, phục vụ nhu cầu của nhiều đối tượng sử dụng như nhà đầu tư, chủ nợ, nhà quản lý và các bên liên quan. Mục tiêu cốt lõi của chuẩn mực kế toán là phản ánh đúng bản chất kinh tế của các giao dịch, sự kiện phát sinh, không phụ thuộc hoàn toàn vào hình thức pháp lý. Trong khi đó, pháp luật thuế là công cụ quản lý tài chính công của Nhà nước, hướng tới mục tiêu đảm bảo nguồn thu ngân sách, thực hiện công bằng, minh bạch và điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Vì vậy, pháp luật thuế thường nhấn mạnh đến tính pháp lý, khả năng kiểm soát, chống thất thu và dễ thực thi.

Chuẩn mực kế toán và pháp luật thuế có mối quan hệ chặt chẽ, bổ sung cho nhau trong thực tiễn. Thông tin kế toán là cơ sở quan trọng để xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp, đặc biệt là các sắc thuế gắn trực tiếp với kết quả sản xuất, kinh doanh như thuế thu nhập doanh nghiệp. Hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán được lập theo chuẩn mực và chế độ kế toán là căn cứ ban đầu để cơ quan thuế kiểm tra, thanh tra, xác định doanh thu, chi phí và thu nhập chịu thuế. Ở mức độ nhất định, pháp luật thuế thừa nhận và sử dụng kết quả kế toán như một nền tảng kỹ thuật để tính thuế, qua đó giảm chi phí tuân thủ và tạo thuận lợi cho người nộp thuế. Tuy nhiên, giữa chuẩn mực kế toán và pháp luật thuế cũng tồn tại những khác biệt mang tính bản chất. Chuẩn mực kế toán hướng tới việc phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động, chấp nhận những ước tính kế toán, giá trị hợp lý, hay phân bổ chi phí theo nguyên tắc dồn tích. Ngược lại, pháp luật thuế thường đặt ra các quy định cứng về điều kiện được trừ, thời điểm ghi nhận doanh thu, chi phí hay mức khống chế nhằm đảm bảo an toàn cho nguồn thu ngân sách. Do đó, không phải mọi khoản chi phí được ghi nhận theo chuẩn mực kế toán đều được chấp nhận khi tính thuế, và không phải mọi khoản thu nhập kế toán đều là thu nhập chịu thuế.

Mối quan hệ giữa kế toán và thuế trên thế giới thường được xem xét qua 2 mô hình chính: mô hình độc lập (dual system) và mô hình phụ thuộc (unified system). Trong mô hình độc lập, điển hình

là các nước theo hệ thống thông luật (Common Law) như Mỹ hay Anh, kế toán và thuế phát triển dựa trên các nguyên tắc riêng biệt. Tại đây, lợi nhuận kế toán không nhất thiết phải là cơ sở để tính thuế, dẫn đến sự tồn tại phổ biến của các khoản thuế hoãn lại⁸. Ngược lại, mô hình phụ thuộc thường thấy ở các nước theo hệ thống dân luật (Civil Law) như Đức hay Pháp, nơi các quy định thuế có ảnh hưởng trực tiếp và chi phối đến cách thức ghi nhận kế toán.

Việt Nam, với đặc thù nền kinh tế đang phát triển, đã lựa chọn một mô hình hỗn hợp. Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) được xây dựng dựa trên các chuẩn mực quốc tế (IAS/IFRS) nhưng vẫn giữ mối liên hệ chặt chẽ với các quy định thuế để đảm bảo tính khả thi trong quản lý. Tuy nhiên, xu hướng hiện nay cho thấy sự phân tách giữa 2 hệ thống đang ngày càng rõ nét khi kế toán tiến dần đến việc phản ánh bản chất kinh tế (substance over form), còn thuế vẫn duy trì sự chặt chẽ về hình thức pháp lý và chứng từ.

3. Thực trạng hệ thống chuẩn mực kế toán và pháp luật thuế Việt Nam

** Về chuẩn mực kế toán*

Hiện nay, Việt Nam vẫn đang vận hành dựa trên 26 chuẩn mực kế toán được ban hành trong giai đoạn 2000 - 2005. Mặc dù tại thời điểm ra đời, VAS là một bước tiến lớn giúp doanh nghiệp tiếp cận thông lệ quốc tế, nhưng sau hai thập kỷ, hệ thống này đã bộc lộ nhiều hạn chế. Nghiên cứu của Võ Văn Nhị và Lê Hoàng Phúc đánh giá mức độ hòa hợp giữa VAS và IFRS cho thấy, tỉ lệ trung bình chỉ đạt khoảng 68%, trong đó các chuẩn mực về tài sản có mức độ phù hợp thấp hơn đáng kể so với các chuẩn mực về doanh thu và chi phí⁸. Sự khác biệt lớn nhất nằm ở mô hình đo lường. VAS trung thành với nguyên tắc giá gốc (historical cost), trong khi IFRS đã chuyển dịch mạnh mẽ sang giá trị hợp lý (fair value) để phản ánh đúng giá trị thị trường của tài sản và nợ phải trả. Việc thiếu vắng các chuẩn mực cho những công cụ tài chính phức tạp, tài sản sinh học hay các giao dịch trong nền kinh tế số khiến báo cáo tài chính theo VAS trở nên kém

minh bạch và khó so sánh với các doanh nghiệp trên thị trường quốc tế².

Để khắc phục các hạn chế trên, Bộ Tài chính đã triển khai Quyết định 345/QĐ-BTC về lộ trình áp dụng IFRS tại Việt Nam. Giai đoạn 2022 - 2025 là giai đoạn tự nguyện cho các doanh nghiệp có đủ nguồn lực và nhu cầu, đặc biệt là các công ty FDI và các tập đoàn niêm yết lớn 3. Việc chuyển đổi sang IFRS không chỉ là thay đổi kỹ thuật kế toán mà là cuộc cách mạng về tư duy quản trị, chuyển từ việc tuân thủ quy tắc (rule-based) sang vận dụng nguyên tắc (principle-based). Điều này trực tiếp tạo ra khoảng cách lớn hơn với pháp luật thuế hiện hành vốn vẫn mang nặng tính điển chế và hướng dẫn chi tiết.

** Về hệ thống pháp luật thuế*

Pháp luật thuế Việt Nam đang trải qua giai đoạn sửa đổi sâu rộng nhằm đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên số và chống thất thu ngân sách nhà nước.

Luật Thuế Giá trị gia tăng (số 48/2024/QH15) có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 mang đến những thay đổi căn bản về điều kiện khấu trừ và hoàn thuế, ảnh hưởng trực tiếp đến quy trình hạch toán kế toán của doanh nghiệp. Kể từ ngày 01/7/2025, tất cả hàng hóa, dịch vụ mua vào đều phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt mới đủ điều kiện khấu trừ thuế đầu vào. Quy định này buộc kế toán phải thay đổi hoàn toàn quy trình kiểm soát chi tiêu nội bộ và thanh toán với nhà cung cấp. Đồng thời, Luật cũng điều chỉnh đối tượng chịu thuế, chuyển các mặt hàng chiến lược như phân bón, máy móc nông nghiệp từ diện không chịu thuế sang chịu thuế 5% (5). Thay đổi này giải quyết được vấn đề “thuế chồng thuế” khi doanh nghiệp sản xuất các mặt hàng này trước đây không được khấu trừ thuế đầu vào, nhưng đồng thời cũng yêu cầu kế toán phải cập nhật lại toàn bộ hệ thống mã hàng và thuế suất trong phần mềm ERP.

Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2025 (số 67/2025/QH15), có hiệu lực từ ngày 01/10/2025 tập trung vào việc mở rộng đối tượng nộp thuế và các khoản chi phí được trừ đặc thù. Lần đầu tiên, các khoản chi cho hoạt động giảm phát thải carbon,

trung hòa carbon và bảo vệ môi trường được quy định cụ thể là chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế 9. Điều này tạo ra sự phù hợp tốt hơn với xu hướng kế toán xanh và báo cáo ESG mà nhiều doanh nghiệp đang theo đuổi. Áp dụng mức thuế suất 15% cho doanh nghiệp có doanh thu dưới 3 tỷ đồng, nhằm hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ trong bối cảnh phục hồi kinh tế¹⁰.

Từ năm 2025, cơ chế quản lý thuế đối với thương mại điện tử sẽ được thắt chặt. Các sàn thương mại điện tử có chức năng thanh toán trực tuyến sẽ phải thực hiện khấu trừ và nộp thuế thay cho người kinh doanh trên sàn. Đây là một bước đi quan trọng để minh bạch hóa dòng tiền, nhưng cũng đòi hỏi sự kết nối dữ liệu chặt chẽ giữa hệ thống kế toán của sàn thương mại điện tử và cơ quan thuế.

4. Một số điểm không phù hợp giữa chuẩn mực kế toán và pháp luật thuế Việt Nam

Chênh lệch về mô hình đo lường và giá trị hợp lý. Đây là điểm mâu thuẫn lớn nhất khi doanh nghiệp chuyển sang áp dụng IFRS/VFRS. Kế toán yêu cầu đánh giá lại tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các công cụ tài chính theo giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo. Các khoản lãi/lỗ chưa thực hiện phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hoặc thu nhập toàn diện khác (OCI). Ngược lại, pháp luật thuế Việt Nam chỉ chấp nhận giá gốc và các giao dịch thực tế đã phát sinh. Cơ quan thuế không chấp nhận các khoản lãi/lỗ từ đánh giá lại tài sản vì cho rằng chưa phản ánh dòng tiền thực tế và có thể bị lợi dụng để điều chỉnh lợi nhuận. Sự khác biệt này dẫn đến việc doanh nghiệp phải duy trì sổ phụ để theo dõi nguyên giá thuế và phát sinh các khoản thuế hoãn lại phức tạp trên báo cáo tài chính.

Khác biệt trong ghi nhận doanh thu. Chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS 15) và VFRS ghi nhận doanh thu dựa trên 5 bước, tập trung vào việc chuyển giao nghĩa vụ thực hiện (performance obligation). Trong nhiều trường hợp, doanh thu kế toán được phân bổ theo thời gian hoặc theo tiến độ hoàn thành thực tế. Pháp luật thuế thường dựa trên thời điểm xuất hóa

đơn hoặc thời điểm nghiệm thu, bàn giao pháp lý. Trong các ngành như bất động sản, xây dựng hoặc cung cấp dịch vụ phần mềm, thời điểm ghi nhận doanh thu giữa kế toán và thuế thường xuyên có độ trễ lớn, tạo ra chênh lệch tạm thời kéo dài qua nhiều kỳ kế toán.

Sự khác biệt về chi phí và các khoản dự phòng. Kế toán áp dụng nguyên tắc thận trọng, yêu cầu doanh nghiệp trích lập dự phòng ngay khi có bằng chứng về sự sụt giảm giá trị tài sản hoặc nợ phải trả tiềm tàng (ví dụ: dự phòng tổn thất tín dụng dự kiến theo IFRS 9)⁶. Pháp luật thuế chỉ cho phép trích lập dự phòng theo các định mức và điều kiện cứng quy định tại các thông tư hướng dẫn (như Thông tư số 48/2019/TT-BTC, ngày 08/8/2019, Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp).

Việc Việt Nam bước vào giai đoạn bắt buộc áp dụng IFRS sau năm 2025 và triển khai VFRS đặt ra một số thách thức lớn đối với tính phù hợp giữa chuẩn mực kế toán và pháp luật thuế.

Một là, thách thức về năng lực nhân sự và tư duy quản trị. Phần lớn kế toán viên và cán bộ thuế tại Việt Nam hiện nay được đào tạo dựa trên hệ thống VAS cũ vốn mang nặng tính tuân thủ quy tắc và gắn chặt với thuế. Khi chuyển sang hệ thống dựa trên nguyên tắc, đòi hỏi khả năng xét đoán chuyên môn cao, sự thiếu hụt nguồn nhân lực am hiểu cả IFRS và luật thuế mới trở thành rào cản lớn nhất. Doanh nghiệp đối mặt với nguy cơ bị ấn định thuế hoặc xử phạt do không đối chiếu đúng các khác biệt kỹ thuật phức tạp giữa hai hệ thống.

Hai là, thách thức về hệ thống công nghệ thông tin. Đến năm 2025, hệ thống ERP của nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là khối doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs), vẫn chưa đủ khả năng ghi nhận song song đa sổ sách (Multi-ledger). Việc phải duy trì một bộ sổ sách theo IFRS để báo cáo nhà đầu tư và một bộ sổ phụ để theo dõi cơ sở tính thuế theo VAS/Thuế gây ra sự lãng phí nguồn lực và tiềm ẩn rủi ro sai sót dữ liệu.

Ba là, khoảng cách về quyền tài phán và giải quyết tranh chấp. Sự chuyển dịch sang IFRS mang lại tính minh bạch cao nhưng cũng đi kèm với tính không chắc chắn trong các xét đoán kế toán. Hiện nay, cơ chế giải quyết tranh chấp khi có sự khác biệt trong cách hiểu chuẩn mực giữa người nộp thuế và cơ quan thuế vẫn chưa thực sự rõ ràng. Điều này tạo ra tâm lý e ngại cho các nhà quản lý doanh nghiệp khi muốn áp dụng các phương pháp kế toán tiên tiến nhưng sợ rủi ro về thuế⁴.

5. Một số giải pháp nâng cao sự phù hợp giữa kế toán và pháp luật thuế ở Việt Nam thời gian tới

Để giải quyết các điểm chưa phù hợp giữa kế toán và pháp luật thuế ở Việt Nam, nâng cao tính đồng bộ của hệ thống tài chính quốc gia thời gian tới, cần thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý và hướng dẫn thuế cho IFRS/VFRS. Pháp luật thuế cần tiếp tục thay đổi từ việc quy định cứng nhắc các mức trần chi phí (như khấu hao, dự phòng) sang việc chấp nhận các ước tính của doanh nghiệp nếu các ước tính đó được kiểm toán bởi các đơn vị độc lập uy tín¹. Cần quy định rõ các khoản lãi/lỗ phát sinh từ việc đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý sẽ không tính vào thu nhập chịu thuế trong kỳ mà sẽ được theo dõi ngoại bảng và chỉ tính thuế khi tài sản đó thực sự được chuyển nhượng hoặc thanh lý. Điều này giúp loại bỏ biến động thuế ảo do thay đổi giá thị trường.

Thứ hai, xây dựng và triển khai hệ thống VFRS tiệm cận quốc tế. Việc thay thế VAS bằng VFRS là bước đi tất yếu để thu hẹp khoảng cách với IFRS nhưng vẫn giữ được sự phù hợp với môi trường pháp lý Việt Nam. Theo đó, cần triển khai hiệu quả việc xây dựng, hoàn thiện và công bố khoảng 44 chuẩn mực VFRS giai đoạn 2026 - 2029 theo từng đợt để doanh nghiệp có thời gian làm quen và điều chỉnh hệ thống⁷. Song song với việc ban hành VFRS, cần có các tài liệu hướng dẫn đối chiếu chi tiết giữa từng chuẩn mực VFRS và quy định thuế tương ứng để doanh nghiệp dễ dàng tuân thủ.

Thứ ba, đẩy mạnh chuyển đổi số và kết nối dữ liệu. Nhà nước cần có các chính sách hỗ trợ, ưu đãi thuế cho doanh nghiệp đầu tư nâng cấp hệ thống ERP có khả năng tự động tách biệt dữ liệu kế toán và dữ liệu thuế. Việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt cho mọi giao dịch theo Luật thuế Giá trị gia tăng sẽ tạo ra nguồn dữ liệu khổng lồ. Cơ quan thuế nên tận dụng dữ liệu này để xây dựng hệ thống quản lý rủi ro dựa trên AI, giúp giảm bớt các thủ tục kiểm tra thủ công và chấp nhận các khoản chi phí thực tế của doanh nghiệp một cách nhanh chóng hơn.

Thứ tư, tăng cường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và thay đổi tư duy quản lý. Cần tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu về IFRS/VFRS cho cả đội ngũ kế toán doanh nghiệp và cán bộ thuế để đảm bảo sự thống nhất trong cách hiểu và vận dụng chuẩn mực. Cơ quan thuế cần chuyển dịch sang vai trò hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện đúng các quy định mới, đặc biệt là trong những năm đầu chuyển đổi sang IFRS đầy thách thức. Việc thiết lập các “vùng đệm an toàn” về kỹ thuật trong giai đoạn đầu áp dụng IFRS 1 là cần thiết để tránh gây áp lực quá mức lên doanh nghiệp.

Thứ năm, phát huy vai trò của các tổ chức nghề nghiệp và truyền thông. Các tổ chức như Hội Kiểm toán viên hành nghề (VACPA) và các công ty tư

vấn lớn cần đóng vai trò tích cực hơn trong việc cầu nối, phản biện chính sách và hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết các vướng mắc phát sinh trong thực tế áp dụng. Đồng thời, doanh nghiệp cần chủ động truyền thông minh bạch về các thay đổi trong báo cáo tài chính do áp dụng chuẩn mực mới để các nhà đầu tư và ngân hàng có sự thấu hiểu đúng đắn về tình hình tài chính của doanh nghiệp.

6. Kết luận

Sự phù hợp giữa chuẩn mực kế toán và pháp luật thuế tại Việt Nam đang đứng trước những thời cơ và thách thức to lớn. Lộ trình áp dụng IFRS/VFRS cùng với việc triển khai các luật thuế hiện đại như Luật Thuế Giá trị gia tăng năm 2024 và Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2025 là minh chứng cho quyết tâm chính trị của Chính phủ trong việc minh bạch hóa nền tài chính quốc gia. Tuy nhiên, để sự phù hợp này đạt được hiệu quả thực tế, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, đầu tư hạ tầng công nghệ và nâng cao trình độ nguồn nhân lực. Việc thu hẹp khoảng cách giữa 2 hệ thống này không chỉ giúp giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp mà còn là chìa khóa để nâng tầm vị thế của Việt Nam trên bản đồ tài chính toàn cầu, thu hút các dòng vốn đầu tư bền vững và thúc đẩy nền kinh tế số phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN VÀ THAM KHẢO:

¹AGS (2025). So sánh Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam (VAS) và Chuẩn mực Quốc tế (ISA) - Xu hướng hội nhập mới 2025. Truy cập tại <https://ketoan.ags-vina.com/2025/11/so-sanh-chuan-muc-kiem-toan-viet-nam.html>.

²Công ty Cổ phần Tư vấn & Đại lý thuế TPM (2025). IFRS vs VAS: Khác biệt và tác động đến báo cáo tài chính & thuế của doanh nghiệp. Truy cập tại <https://tpm.com.vn/vi/ifrs-vs-vas-khac-biet-va-tac-dong-den-bao-cao-tai-chinh-thue-cua-doanh-nghiep/>.

³Crowe Vietnam Team (2025). Lộ trình áp dụng IFRS tại Việt Nam và những lưu ý quan trọng. Truy cập tại <https://brochure.crowevietnam.vn/lo-trinh-ap-dung-ifrs-tai-viet-nam/>.

⁴Deloitte (2025). IFRS - Động lực thúc đẩy mục tiêu nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam. Truy cập tại <https://www.deloitte.com/southeast-asia/en/services/audit-assurance/perspectives/vn-ifrs-market-upgrade-vi.html>.

⁵Bùi Thị Hằng (2025). Giải thích những điểm thay đổi chính về thuế và kế toán ở Việt Nam năm 2025. Truy cập tại <https://www.i-glocal.com/vi/report/250629/>.

⁶KMC (2025). So sánh VAS và IFRS: Khác biệt doanh nghiệp FDI cần biết 2025. Truy cập tại <https://kmc.vn/vi/tin-tuc/goc-nhin-cua-kmc/so-sanh-vas-va-ifrs-khac-biet-cot-loi-doanh-nghiep-fdi-can-biet-trong-nam-2025/>.

⁷Kiên Huỳnh (2025). Lộ trình chuyển đổi từ VAS sang VFRS - tái định hình báo cáo tài chính tại Việt Nam. Truy cập tại <https://vfrs.vn/lo-trinh-chuyen-doi-tu-vas-sang-vfrs-tai-dinh-hinh-bctc-tai-viet-nam/>.

⁸Võ Văn Nhị, Lê Hoàng Phúc (2012). Sự hoà hợp giữa chuẩn mực kế toán Việt Nam và chuẩn mực kế toán quốc tế - Thực trạng, nguyên nhân và định hướng phát triển. Truy cập tại <https://www.sav.gov.vn/Pages/chi-tiet-tin.aspx?ItemID=1638&l=Nghiencuuutraodoi>.

⁹Dương Thúy (2025). Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp 2025: 8 điểm mới doanh nghiệp cần lưu ý. Truy cập tại <https://einvoice.vn/tin-tuc/luat-thue-thu-nhap-doanh-nghiep-2025-8-diem-moi>

¹⁰Nguyễn Thanh Phương (2025). Hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch vĩnh viễn trên quyết toán thuế Thu nhập doanh nghiệp. Truy cập tại <https://amis.misa.vn/38788/xu-ly-cac-khoan-chenh-lech-vinh-vien-tren-quyet-toan-thue-tndn/>.

Ngày nhận bài: 24/11/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 14/12/2025

Ngày chấp nhận đăng bài: 28/12/2025

ALIGNING ACCOUNTING STANDARDS AND TAX LAW IN VIETNAM: THE CURRENT LANDSCAPE AND POLICY DIRECTIONS

● NGUYEN TRAN THUY TIEN

Thu Dau Mot University

ABSTRACT:

This study examines the current level of alignment between Vietnamese Accounting Standards (VAS) and existing tax regulations, with particular attention to inconsistencies in the principles governing the recognition and measurement of revenue and expenses. The analysis demonstrates that these divergences contribute to higher compliance costs for enterprises and undermine the reliability and usefulness of financial reporting information. By systematically assessing the interaction between accounting standards and tax rules, the study provides an in-depth evaluation of structural gaps in Vietnam's regulatory framework and their implications for business practices and financial transparency in the new era of development.

Keywords: accounting standards, a new era of development, tax law, national finance.